TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 8 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn

2. Ông Trần Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn**:*** Chị Bùi Thị Xuân M, sinh năm 1988 – có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp T1, xã L, huyện O, tỉnh V

- *Bị đơn**:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 – vắng mặt

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T2, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Xuân M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Xuân M và anh T cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, chị Xuân M và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T2, tỉnh V. Thời gian vợ

chồng hạnh phúc khoảng 08 năm đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh vi phạm tình nghĩa vợ chồng và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh vi phạm tình nghĩa vợ chồng chị Xuân M trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong thời gian ly thân chị Xuân M và anh T không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không tự đoàn tụ được với nhau. Chị Xuân M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Xuân M và anh T có một người con chung tên là Nguyễn Minh T3, sinh ngày 12/02/2015. Khi ly hôn chị Xuân M yêu cầu nuôi cháu Minh T3, chị Xuân M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh T, nhưng anh T không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 13/7/2022.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về hôn nhân: Căn cứ vào bản sao Trích lục kết hôn giữa chị Bùi Thị Xuân M với anh Nguyễn Văn T được Ủy ban nhân dân xã xã B, huyện T2, tỉnh V cấp ngày 20/6/2022 thì chị Xuân M và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao Trích lục khai sinh được Ủy ban nhân dân xã L, huyện O cấp ngày 20/8/2018 là con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Xuân M.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Xuân M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T

là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Ngày 27/7/2022 chị Xuân M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Xuân M.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Xuân M với anh Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân phát sinh vi phạm tình nghĩa vợ chồng giữa chị Xuân M và anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian ly thân chị Xuân M và anh T không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không tự đoàn tụ được với nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Xuân M và anh T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Xuân M với anh T; cho chị Xuân M được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Xuân M là cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 12/02/2015 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi ly thân đến nay cháu Minh T3 do chị Xuân M nuôi dưỡng. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 20/6/2022 thì cháu Minh T3 có nguyện vọng sống chung với chị Xuân M; nhằm tránh xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Minh T3, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Xuân M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Xuân M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Bùi Thị Xuân M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Xuân M.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Xuân M với anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Xuân M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Xuân M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Bùi Thị Xuân M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Xuân M đã nộp theo biên lai thu số No 0010912 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Xuân M không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Xuân M và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh